

CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM*

Nguyễn Quốc Đoàn

Ban Dân vận Trung ương
Email: quocdoanbdv@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/4/2020
Ngày phản biện: 03/5/2020
Ngày tác giả sửa: 15/5/2020
Ngày duyệt đăng: 08/6/2020
Ngày phát hành: 21/6/2020

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/412>

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Với tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm tới các dân tộc thiểu số rất ít người. Vì thế, ngoài chính sách chung cho các dân tộc thiểu số, hiện đã có một số chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người. Bài viết đánh giá thực trạng hiệu quả công tác tổ chức thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người, qua đó bàn thảo những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách cho đồng bào, trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách đầu tư; Dân tộc thiểu số rất ít người; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chính sách đặc thù.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số, với hơn 13,38 triệu người, chiếm tỷ lệ gần 14,6% dân số cả nước. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa riêng. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội triển khai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), trong đó có chính sách đối với đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người (DTTSRIN). Những chính sách này góp phần làm cho bộ mặt nông thôn miền núi thay đổi, đặc biệt, sau khi Đảng ta có Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX “về công tác dân tộc” và nhiều văn bản khác. Với chức năng nhiệm vụ của mình, Ủy ban Dân tộc đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao”; Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015”, Quyết định số 2086/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025”. Các địa phương cũng ban hành nhiều chính sách nhằm từng bước ưu tiên đầu tư nâng dần mức sống cho đồng bào DTTSRIN, góp phần giảm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo trong các dân tộc thiểu số (DTTS).

Tuy nhiên, đến nay, hiện trạng kinh tế - xã hội

vẫn còn khó khăn, các chỉ số phát triển của đồng bào DTTSRIN đều thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước và so với các DTTS khác. Tỷ lệ hộ đói nghèo cao, khoảng cách giàu, nghèo giữa các dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn có nguy cơ ngày càng đoãng ra. Đồng bào sống “khép kín”, tỷ lệ hôn nhân cận huyết thông (dân tộc La Hủ chiếm 0,88%; dân tộc Lô Lô chiếm 0,78%; dân tộc La Ha chiếm 0,76%...) và tỷ lệ tảo hôn cùng tập quán lạc hậu, sinh con dưới 18 tuổi (tỷ lệ tảo hôn dân tộc Ô Đu chiếm 73,0%; dân tộc La Ha chiếm 52,8%; dân tộc Rơ Măm, Brâu chiếm 50%) còn cao. Sự mai một và mất dần bản sắc văn hóa truyền thống các DTTSRIN cũng đang ngày càng diễn ra ở nhiều chiều.

2. Tổng quan nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu liên quan đến hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào DTTSRIN, tiêu biểu phải kể đến như: Đề án “Cùng cố và nâng cao đời sống của người dân tộc Si La tỉnh Điện Biên”. Đề án đã đánh giá cụ thể về tình hình kinh tế - xã hội của dân tộc Si La, từ đó tham mưu cho tỉnh đề ra chính sách hỗ trợ nâng cao đời sống cho đồng bào Si La. Bài viết “Kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao đã có nhiều chuyển biến tích cực” (Anh & Nam, 2016) khẳng định: Việc thực hiện đề án đã tạo điều kiện cho các địa phương vận dụng cơ chế linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách vẫn còn những hạn chế và bất cập, vốn hạn hẹp, đầu tư dàn trải, còn thiếu tập trung và hiệu quả sử dụng vốn chưa cao. Báo cáo “Một số tình hình về dân tộc Brâu và dân tộc Rơ Măm ở tỉnh Kon Tum”, ngày 24/3/2016 của Cơ quan Thường

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học thuộc Hội đồng khoa học các Ban Đảng Trung ương: “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta”, năm 2019.

trực Ban Dân vận Trung ương tại thành phố Đà Nẵng đã chỉ rõ do phong tục tập quán ăn sâu vào trong tiềm thức của người dân, nên một số hộ dân vẫn còn nhiều lạc hậu... Hiện nay, đời sống của đồng bào dân tộc Brâu, dân tộc Rơ Măm còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm 73,19%, mong muốn của đồng bào là được cấp ủy, chính quyền quan tâm nhiều hơn. Các địa phương đều kiến nghị Trung ương có chính sách đặc thù nhằm ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTSRIN, trong đó có dân tộc Rơ Măm, Brâu.

Tuy nhiên, những nghiên cứu trên vẫn chưa phản ánh đầy đủ, sâu sắc về hiệu quả của chính sách đối với đồng bào các DTTSRIN.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp cơ bản như: Phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả đạt được của công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người

Thứ nhất, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTSRIN đang được cải thiện rõ nét. Xuất phát từ thực tế tình hình kinh tế - xã hội của các DTTSRIN còn khó khăn, các chỉ số phát triển đều thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước và so với các DTTS khác, các bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị liên quan đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN, trong đó có chính sách đối với DTTSRIN. Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành và tổ chức thực hiện một số chính sách đặc thù cho vùng đồng bào DTTSRIN như: Chính sách hỗ trợ phát triển cho 5 dân tộc dưới 1.000 người (Pu Páo, Brâu, Rơ Măm, Si La, Ô Đu) và nhóm 7 dân tộc dưới 5.000 người (La Ha, Lự, Bố Y, Lô Lô, Pà Thẻn, Phù Lá, Chứt); Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Công, Cờ Lao; Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015. Thực hiện 6 dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 cho 5 dân tộc có số dân dưới 1.000 người, trên địa bàn 13 thôn, bản của 5 tỉnh gồm Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Hà Giang và Kon Tum; Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025. Cấp ủy, chính quyền một số địa phương cũng đã có chính sách hỗ trợ cho đồng bào DTTSRIN. Cụ thể như tỉnh Quảng Bình đã xây dựng, triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào Rục. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng thực hiện cuộc vận động “Mái ấm cho người nghèo biên giới, hải đảo”, xây dựng nhà tình nghĩa, công trình dân sinh, dự án thủy lợi cho đồng bào dân tộc rất ít người; Dự án làm lúa nước cho đồng bào Rục xã Thượng Hóa,

huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình...

Sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền các cấp đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTSRIN phát triển; tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm; đồng bào DTTSRIN được tiếp cận thông tin, hưởng thụ các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; trẻ em được đến trường, học tập, rèn luyện; giảm dần các tệ nạn xã hội, phong tục tập quán lạc hậu; trật tự an toàn xã hội, an ninh khu vực biên giới cơ bản được giữ vững, đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố. Đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Chương trình 135, Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu Quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới, CTMTQG giảm nghèo bền vững và các chính sách, chương trình, dự án khác đã hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, bảo tồn bản sắc văn hóa, giữ vững quốc phòng, an ninh và củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào được cải thiện và ngày càng được nâng lên. Ngoài những chính sách chung cho vùng đồng bào DTTS. Chính phủ còn ban hành một số đề án, chính sách đặc thù đối với đồng bào DTTSRIN, từng bước góp phần nâng cao đời sống tinh thần vật chất cho đồng bào như: Dự án phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn văn hóa các dân tộc đặc biệt khó khăn có dân số dưới 1.000 người, gồm các dân tộc: Si La, Pu Páo, Ô Đu, Rơ Măm và Brâu (theo Quyết định số 292/QĐ-UBND, ngày 17/06/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc). Giai đoạn 2005-2010, gồm 6 dự án thành phần, được thực hiện trên địa bàn 13 thôn, bản, tại 4 tỉnh. Dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Mảng, Công, La Hủ, Cờ Lao thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 với tổng kinh phí 1.042,811 tỷ đồng. Dự án cơ sở hạ tầng của các dự án đã giúp các làng, bản đã có sự thay đổi đáng kể, sản xuất và đời sống của người dân từng bước được cải thiện; chấm dứt được nạn đói, tăng tỷ lệ trẻ em đến trường và nâng dần chất lượng giáo dục, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Từ năm 2013 - 2018, từ nguồn vốn Trung ương, các địa phương đã nỗ lực lồng ghép đầu tư cho vùng đồng bào DTTSRIN: Tỉnh Hà Giang đã đầu tư xây dựng 26 công trình, tỉnh Lai Châu 01 công trình thủy lợi, tỉnh Điện Biên 02 công trình cầu treo. Các công trình giao thông nông thôn đã giúp đồng bào đi lại thuận tiện trong 4 mùa, đồng thời tăng cường kết nối giao thương với tỉnh lộ, thúc đẩy phát triển sản xuất. Các dự án đã hỗ trợ làm nhà vệ sinh, chuồng trại cho gần 2.500 hộ; hỗ trợ mua giống, vật nuôi, vật tư cho sản xuất cho gần 8.000 lượt hộ; hỗ trợ xóa nhà tạm cho gần 2.000 hộ với mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ và các nội dung hỗ trợ khác trị giá 582 triệu đồng.

Trong những năm qua, đồng bào DTTSRIN đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước

thông qua các chương trình, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng. Các chương trình, chính sách này đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTSRIN và chính điều đó đã khẳng định Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến các DTTS với phương châm “không dân tộc nào bị bỏ lại phía sau”.

Cùng với đề án của Chính phủ, các địa phương cũng rất nỗ lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTSRIN. Tỉnh Điện Biên đã xây dựng dự án cho dân tộc Si La “Dự án hỗ trợ phát triển dân tộc Si La trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2005-2010”. Dân tộc Si La có đời sống kinh tế còn mang nặng tự túc, tự cấp; chủ yếu làm nương rẫy, sinh sống tại 2 bản, thuộc 2 xã của huyện Mường Nhé (bản Nậm Sin, xã Chung Chải và bản Nậm Kè 1, xã Nậm Kè), chiếm tỷ lệ 4,3% dân số toàn xã. Với 13 ha nương, 8 ha ruộng nước, 8 ha ngô, 6 ha sắn, 7 con bò, 15 con trâu, 25 con lợn và 400 con gia cầm, năng suất cây trồng 20 tạ/ha; thu nhập bình quân 50-70 ngàn đồng/người/tháng, 100% số nhà tạm bợ, tỷ lệ đói nghèo 100%. Qua hai năm triển khai dự án, năm 2007, hai bản đã có đường giao thông đến xã, người dân đi lại được thuận tiện hơn; điểm trường tại bản được xây dựng khang trang; 100% số hộ dân tộc Si La được sử dụng điện lưới quốc gia, 100% được cấp bảo hiểm y tế; 100% số hộ dân tộc Si La được dùng nước sạch hợp vệ sinh. Ngày 22/8/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 3829/QĐ-UBND phê duyệt “Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc Ở Đu ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2025”. Dân tộc Ở Đu sống tập trung chủ yếu tại bản Văng Môn, xã Nga Mỹ, huyện Tương Dương, số ít sống rải rác ở một số xã, bản của huyện Thanh Chương. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 60%, hộ cận nghèo chiếm 30%, số hộ thiếu đất sản xuất 100 hộ; số hộ thiếu nước sinh hoạt 61 hộ, thiếu nguồn vốn hỗ trợ sản xuất... thu nhập bình quân đầu người 3,6 triệu đồng/người/năm. Sau 3 năm thực hiện đề án, số hộ thoát nghèo chiếm 37%. Ở tỉnh Lai Châu, dân tộc Mảng cư trú tại 5 xã: Bum Nua, Mường Mô, Nậm Hàng, Pa Vệ Sủ, Hua Bum thuộc huyện Mường Tè. Năm 2012, tỷ lệ hộ đói nghèo từ 80,5-100%; để tạo ra một bước “đột phá” giải quyết căn bản thực trạng thiếu đói cao, tỉnh Lai Châu đã triển khai Dự án xóa đói, giảm nghèo cho dân tộc Mảng giai đoạn 2005-2010. Phạm vi trên địa bàn 22 bản, 8 xã của 2 huyện gồm Mường Tè và Sìn Hồ. Đến cuối năm 2018, đã có 100% số hộ được hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, chăn nuôi; khoanh nuôi bảo vệ rừng tái sinh từ 10 - 15 ha/hộ; 100% hộ định canh định cư; 100% số hộ có nhà lợp tôn hoặc tấm lợp; gần 98% trẻ em đến tuổi được học, được tới trường; 100% số khẩu được khám chữa bệnh ở trung tâm y tế xã; khai hoang ruộng nước cho 535 hộ với tổng diện tích 160,5ha; hỗ trợ làm nhà ở cho 530 hộ; 369 hộ nghèo được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

để mua trâu, bò sinh sản...

Bằng nguồn vốn của Chính phủ, sự nỗ lực của các địa phương, từ năm 2013- 2018 trên địa bàn các tỉnh phía Bắc, các tổ chức đã phối, kết hợp tuyên truyền hướng dẫn xây dựng 48 mô hình trình diễn hỗ trợ phát triển sản xuất cấp thôn, bản; tổ chức tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm sản xuất; mở các lớp tập huấn về kỹ thuật; kiến thức khuyến nông, khuyến lâm cho 304 lớp; hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp cho 10.848 lượt hộ. Một số địa phương đã có cách làm sáng tạo phát huy thế mạnh của đồng bào DTTSRIN trong phát triển kinh tế. Cụ thể như đồng bào dân tộc Lô Lô ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, hiện sinh sống ở 3 xã, 7 xóm, 301 hộ, tại thị trấn Bảo Lạc, chiếm 2,8% dân số của huyện đã được tiếp cận cách làm du lịch Homestay. Hàng năm, số khách du lịch đến với đồng bào tăng đều, thu nhập từ du lịch trung bình khoảng 80 triệu đồng/năm. Đến nay, mô hình du lịch này đã được nhân rộng sang đồng bào dân tộc Lô Lô sinh sống tại các xã gồm Sùng Là, Lũng Cú, Đồng Văn, Lũng Táo của huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Nhiều nơi, đồng bào đã đưa giống mới vào sản xuất, trồng lúa nước hai vụ, trồng chuyên canh cây ăn quả như dân tộc La Ha, Bô Y; trồng cây công nghiệp dài ngày của dân tộc Brâu, Rơ Măm; nuôi cá lồng hồ của dân tộc La Ha, Ở Đu; nhận khoán chăm sóc bảo vệ rừng kết hợp với chăn nuôi ở dân tộc La Hủ. Thu nhập bình quân đầu người ở một số dân tộc tăng cao đáng kể.

Từ sự nỗ lực của Nhà nước và người dân, đến cuối năm 2018, một số dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh như dân tộc Brâu, Rơ Măm, Bô Y. Đến nay, nhiều hộ đồng bào DTTSRIN đã định canh, định cư, có nhà ở được kiên cố hóa, đời sống của đồng bào từng bước thay đổi đáng kể.

Tuy nhiên, do nguồn lực của các đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội các DTTSRIN giai đoạn 2016-2025 còn hạn chế, nên cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sự hỗ trợ đối với người dân.

Thứ ba, công tác giáo dục và đào tạo ngày càng khởi sắc. Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015 đã từng bước góp phần cải thiện tình trạng giáo dục đối với đồng bào DTTSRIN ở một số tỉnh. Cụ thể: Hỗ trợ mở lớp xóa mù tiếng phổ thông, hỗ trợ in ấn, cấp tài liệu, thiết bị dạy học cho 04 trường học; xây dựng bộ công cụ học tập cho 02 trường ở tỉnh Điện Biên; hỗ trợ cho gần 20.000 học sinh mầm non, học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT). Ngoài ra, còn hỗ trợ đào tạo nghề cho 40 thanh niên tỉnh Hà Giang. Thực hiện dự án đầu tư phát triển 5 dân tộc rất ít người, các tỉnh như Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An đã hoàn thành 100% việc xây dựng phòng học. Tỷ lệ huy động trẻ em,

học sinh đến trường tăng hàng năm. Một số dân tộc như Si La, Pu Péo, Rơ Măm không có học sinh bỏ học. Năm học 2016-2017 tỷ lệ bỏ học của học sinh cấp tiểu học của các tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Kon Tum nơi có đồng bào DTTSRIN sinh sống là 0,14 %. Tỷ lệ này ở cấp THCS là 1,00% và ở cấp THPT là 1,30%. Tỷ lệ học sinh đạt khá, giỏi tăng.

Điều đáng quan tâm là số học sinh tiểu học của DTTSRIN có xu hướng giảm, do học sinh bỏ học bởi nhiều nguyên nhân như: Ngày mùa các em phải ở nhà giúp gia đình thu hoạch, do gia đình thiếu lao động, sau dịp Tết Nguyên đán, nhà xa trường nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn...

Thứ tư, công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của các dân tộc được quan tâm. Cùng với việc tăng cường các hoạt động bảo tồn văn hóa, xây dựng các đội văn nghệ, chiếu phim, hỗ trợ đồng bào sản xuất nhạc cụ, duy trì lễ hội truyền thống, các địa phương cũng đã triển khai Dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng DTTSRIN. Qua nghiên cứu cho thấy, tỉnh Nghệ An đã có Đề án về việc khôi phục, truyền dạy tiếng dân tộc Ô Đu bằng cách sang nước bạn Lào mời một số nghệ nhân về truyền dạy tiếng dân tộc Ô Đu và viết lại thành sách. Song thực tế đặt ra là hiện nay, nhiều người Ô Đu không biết tiếng mẹ đẻ, trong sinh hoạt hàng ngày họ giao tiếp bằng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Khơ Mú, do vậy, dẫn đến việc học rồi lại quên. Đây là điều rất khó khăn trong bảo tồn văn hóa của dân tộc Ô Đu. Một số dân tộc như Mảng, Công, Lự, Si La ở tỉnh Lai Châu hiện nay không còn giữ được nhiều lễ hội truyền thống, họ bị ảnh hưởng, giao thoa bởi các văn hóa khác của người Kinh, người Thái, người Hà Nhì. Một số dân tộc bị mai một văn hóa dân tộc, do số dân ít nên thường bị giao thoa bởi văn hóa dân tộc có số người đông hơn... Như vậy, văn hóa truyền thống, ngôn ngữ của các DTTSRIN mai một dần. Việc bảo tồn, lưu giữ nét văn hóa của các DTTSRIN là vô cùng khó khăn.

Thứ năm, công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho đồng bào được coi trọng. Các chính sách y tế, Chương trình y tế quốc gia phòng chống dịch bệnh được triển khai. Công tác kế hoạch hoá gia đình ở vùng DTTSRIN được Chính phủ và địa phương các cấp quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyên viên tích cực. Mạng lưới y tế quan tâm đầu tư mở rộng về số lượng, chất lượng dịch vụ. Các trung tâm cụm xã, trạm y tế xã cơ bản đã có y, bác sỹ, thôn, bản có nhân viên y tế. 100% đồng bào được cấp thẻ Bảo hiểm y tế. Các cơ sở y tế quân dân y kết hợp đã tích cực khám chữa bệnh cho đồng bào. Qua nghiên cứu, tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2010-2018, có 100% số trạm y tế xã được kiên cố hóa, 100% người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế, 100% trạm y tế xã có cán bộ y tế, y sỹ, sản nhi hoặc nữ hộ sinh. Mặc dù, đến nay 100% số trạm y tế xã chưa có bác sỹ. Như vậy, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào

DTTSRIN luôn được các cấp, các ngành quan tâm. Mặc dù vậy, việc tiếp cận các dịch vụ y tế của đồng bào DTTSRIN còn hạn chế nhất là việc phụ nữ ít khám thai và ít sinh con tại cơ sở y tế.

4.2. Một số tồn tại, hạn chế

Hiện nay cơ sở hạ tầng nơi đồng bào DTTSRIN cư trú còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu đời sống của đồng bào. Thiếu nước sản xuất, sinh hoạt; đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Qua nghiên cứu báo cáo của một số tỉnh cho thấy, năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo của dân tộc La Hù: 85,33%, Chứt: 67,87%, Ô Đu: 60%. Tại tỉnh Hà Giang, thu nhập bình quân đầu người trung bình/người/năm còn thấp, dân tộc Phù Lá 7,5 triệu đồng, Pu Péo 7,8 triệu đồng, Lô Lô 8,17 triệu đồng... Tổng số hộ nghèo các DTTSRIN là 1.092 hộ, chiếm tỷ lệ 51,8%, dân tộc Phù Lá chiếm 76,8%, dân tộc Lô Lô chiếm 55,4%, dân tộc Cờ Lao chiếm 52,2%, dân tộc Pà Thẻn chiếm 36,6%, dân tộc Pu Péo chiếm 31,5%, thấp nhất là dân tộc Bô Y 14,6%. Do nguồn vốn đầu tư có hạn nên tỉnh Cao Bằng chỉ bố trí xây dựng hạ tầng giao thông đạt 57%; Đề án về công tác cán bộ dân tộc Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2017-2020 thực hiện còn khó khăn. Văn hóa một số dân tộc mai một nhanh chóng, các tập tục lạc hậu vẫn còn tồn tại nặng nề; tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn còn phổ biến. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, đa số học sinh học hết bậc tiểu học thì bỏ học. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào DTTSRIN còn gặp nhiều khó khăn. An ninh, trật tự ở địa bàn đồng bào DTTSRIN sinh sống tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Hạn chế trên là do:

- Địa bàn sinh sống của đồng bào DTTSRIN chủ yếu là vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình chia cắt, khí hậu diễn biến phức tạp, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn rất thấp; tập quán sinh hoạt, sản xuất lạc hậu. Các đề án đặc thù về đầu tư cơ sở hạ tầng, giáo dục đào tạo, bảo tồn giá trị văn hóa của đồng bào DTTSRIN thiếu sự quan tâm của các ngành hữu quan. Nguồn lực tài chính hạn hẹp ảnh hưởng đến uy tín, lòng tin của đồng bào.

- Công tác nắm tình hình, nghiên cứu, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo trong nghiên cứu tham mưu chính sách nhiều nơi chưa được chú trọng, chất lượng tham mưu hạn chế, chưa đúng, chưa trúng. Vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị ở địa bàn có đồng bào DTTSRIN chưa được phát huy mạnh mẽ, có những nơi trách nhiệm còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách dân tộc hiệu quả chưa cao; công tác phản biện xã hội còn yếu, nhất là cấp cơ sở.

5. Thảo luận

Trước thực tế đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào DTTSRIN còn khó khăn, để chính sách đầu tư đối với đồng bào hiệu quả cần quan tâm tới các vấn đề sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần tập trung nguồn vốn đầu tư hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như mạng lưới giao thông liên bản, liên xã, liên huyện để kết nối địa bàn đồng bào DTTSRIN với các vùng kinh tế; sắp xếp, ổn định dân cư, định canh, định cư, nhất là các hộ nằm trong vùng ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, thành các bản làng tập trung. Giao quyền, trách nhiệm cụ thể cho địa phương nghiên cứu tham mưu cơ chế trong việc lồng ghép các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư, tránh trùng lặp về nội dung, đối tượng, địa bàn. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý, chấn chỉnh các địa phương đầu tư dàn trải.

Phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững vùng DTTSRIN; rà soát, lồng ghép, sửa đổi, bổ sung chính sách; nâng cao hiệu quả các dự án, chương trình đầu tư cho vùng đồng bào DTTSRIN. Thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đồng bào DTTSRIN. Các địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan nghiên cứu chuyên ngành để khảo sát, quy hoạch, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp gắn với thị trường, kết hợp với chuyển giao khoa học kỹ thuật cho đồng bào DTTSRIN.

Cần đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng. Hiện còn 53,09% thôn (103 thôn) chưa có công trình thủy lợi; 55,15% thôn (107 thôn) chưa có điện; 44,32% thôn (86 thôn) chưa có công trình nước sinh hoạt tập trung. Phân đầu đến năm 2025 đạt 70-75% kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi, điện, nước sinh hoạt để phục vụ nhu cầu đời sống của đồng bào, đến năm 2030 cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của đồng bào như: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, vệ sinh môi trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTSRIN, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn; các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế và nhà văn hóa phải được kiên cố hóa. Nghiên cứu đặc điểm để sửa đổi tiêu chí nông thôn mới nơi đồng bào DTTSRIN sinh sống. Đầu tư trực tiếp tại địa bàn 282 thôn, bản thuộc 120 xã có đồng bào DTTSRIN sinh sống tập trung tại 12 tỉnh.

Thứ hai, tập trung nguồn lực phát triển sản xuất,

đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo bền vững, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa đối với các dân tộc rất ít người. Ngoài các chương trình chính sách phát triển kinh tế, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, cần có giải pháp phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo, giá trị cao phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng vùng thay thế cho sản phẩm đại trà để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Gắn kết chặt chẽ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách với vốn vay tín dụng ưu đãi, tăng cường nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các dự án giảm nghèo bền vững ở vùng DTTSRIN. Nghiên cứu, sửa đổi chính sách tín dụng cho phát triển sản xuất với lãi suất ưu đãi, kéo dài thời gian cho vay. Có cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất bằng các mô hình hiệu quả, thành lập các tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm nhằm hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, hỗ trợ phân bón, vắc xin tiêm phòng. Tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất; tham quan học tập cho cộng đồng; hỗ trợ cho cán bộ khuyến nông về công tác tại các thôn, bản.

Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ về nhà ở, quy hoạch dân cư vùng bão, lũ, ven sông, suối theo hướng an toàn, ổn định, phát triển bền vững. Phân đầu đến năm 2025, cơ bản giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào. Có cơ chế điều chỉnh chính sách đặc thù trong việc khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sống của đồng bào DTTSRIN. Kiên quyết và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại rừng, đất rừng và hủy hoại môi trường sinh thái, vi phạm pháp luật bảo vệ rừng. Tập trung khai thác thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, ẩm thực độc đáo, đặc sắc của các dân tộc để phát triển các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch “xanh”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương ở vùng DTTS&MN.

- Về giáo dục, đào tạo: Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng DTTS&MN. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường phổ thông dân tộc bán trú, mở rộng trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo. Có cơ chế hỗ trợ con em người DTTSRIN nâng cao tỷ lệ trẻ em ra lớp đúng độ tuổi.

Hiện tỷ lệ học sinh tham gia ở các bậc học là: Tiểu học 60,81%, THCS là 32,2%, THPT chỉ có 6,98%. Thực tế này đòi hỏi cần phải gắn giáo dục và đào tạo với thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội và đặc điểm văn hóa của địa phương. Triển khai có

hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ em ở bậc mầm non và học sinh DTTSRIN ở bậc tiểu học. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với học sinh DTTSRIN, phân đầu đưa tỷ lệ học sinh các cấp học đạt mức cao, hoặc tương đương các DTTS khác.

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người DTTSRIN; có chính sách giải quyết việc làm, khuyến khích khởi nghiệp cho thanh niên. Đổi mới phương thức cử tuyển học sinh DTTSRIN học đại học gắn với địa chỉ sử dụng; đổi mới chế độ dự bị đại học theo hướng phải đạt trình độ văn hóa theo yêu cầu chung. Phát triển các hình thức giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư trên địa bàn nhằm tạo điều kiện học nghề, tự tạo việc làm, tham gia xuất khẩu lao động. Xây dựng cơ chế đặc thù, bồi dưỡng nâng cao năng lực và chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

- *Về y tế và chăm sóc sức khỏe*: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, chuẩn hóa các trạm y tế xã, bệnh viện tuyến huyện; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, năng lực khám chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở nơi đồng bào DTTSRIN sinh sống. Nâng cao tỷ lệ khám, chữa bệnh và các dịch vụ y tế, nhất là việc khám và chữa bệnh ở tuyến cơ sở, kết hợp y tế dân gian với y tế hiện đại. Tạo mọi điều kiện để đồng bào mạnh dạn tiếp cận dịch vụ y tế thông qua Bảo hiểm y tế và các dịch vụ tiện ích xã hội.

Qua nghiên cứu hiện còn 95,5% phụ nữ dân tộc La Hủ, 88,4% phụ nữ dân tộc La Ha, 87% phụ nữ dân tộc Lự, 86,3% phụ nữ dân tộc Mảng, 80,1% phụ nữ dân tộc Cống... sinh con tại nhà, do vậy, cần tăng cường đào tạo, khuyến khích, phát huy vai trò của bà đỡ, cô đỡ thôn bản. Đồng thời có chính sách khuyến khích phụ nữ DTTSRIN sinh con tại cơ sở y tế xã. Nghiên cứu chuyên một số chính sách trợ cấp sang hỗ trợ có điều kiện cho nhóm người DTTSRIN khó khăn để tăng sự hưởng lợi tiếp cận trực tiếp với chính sách. Giảm thiểu tiến tới xóa bỏ tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào DTTSRIN. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở quần dân y kết hợp.

- *Về văn hóa*: Nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới”. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTSRIN gắn với di tích lịch sử văn hóa ở từng vùng, từng địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào tham gia và phát huy vai trò làm chủ trong công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người DTTSRIN. Các địa phương cần có kế hoạch cụ thể trong vận động đồng bào hạn chế, tiến tới giảm hẳn tình trạng hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn vào năm 2030.

Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo tồn và

phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các DTTSRIN. Tuyên truyền, vận động đồng bào từng bước hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người DTTSRIN. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai các hoạt động tuyên truyền trong vùng đồng bào DTTSRIN.

- *Về tôn giáo, tín ngưỡng*: Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; xử lý nghiêm hoạt động lợi dụng các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của dân tộc.

- *Về bình đẳng giới*: Có cơ chế, chính sách tạo cơ hội cho phụ nữ DTTSRIN tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Tăng cường tuyên truyền, vận động, thay đổi nhận thức, từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng vị thế cho phụ nữ DTTSRIN trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng cao. Quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ DTTSRIN; hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị trước mắt tập trung cho cán bộ đoàn thể tại các thôn bản.

- *Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTSRIN*. Các lực lượng chức năng cần tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào DTTSRIN về chấp hành pháp luật, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; các địa phương nắm chắc tình hình, giải quyết tốt những vấn đề về an ninh chính trị, đặc biệt là an ninh dân tộc, tôn giáo, nông thôn, an ninh nội bộ; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trên các lĩnh vực. Chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, đấu tranh kiềm chế, đẩy lùi hoạt động phức tạp về an ninh chính trị ở vùng DTTSRIN. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân.

6. Kết luận

Thông qua việc đánh giá thực hiện một số chính sách đặc thù đối với đồng bào DTTSRIN cho thấy chúng ta cần nỗ lực hơn nữa cả trong phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu tổ chức thực hiện tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội chung tay vì đồng bào các DTTSRIN. Đồng thời cần có giải pháp tốt nhất trong giai đoạn 2021-2025, những năm tiếp theo phù hợp với Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/ 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Tài liệu tham khảo

- Ánh, N., & Nam, S. (2016). Kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hù, Cống, Cờ Lao đã có nhiều chuyển biến tích cực. Truy cập 24/6/2016, từ website: <http://www.cema.gov.vn>
- Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An. (2019). *Báo cáo số 16/BC-BDT, ngày 28/02/2019 về Đánh giá kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của dân tộc Ô Đu ở tỉnh Nghệ An; đề xuất hạng mục hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội dân tộc Ô Đu.*
- Ban Dân vận tỉnh Quảng Bình. (2019). *Báo cáo số 203-BC/BDVTU, ngày 22/5/2019 về đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay.*
- Ban Dân vận Tỉnh ủy Kon Tum. (2018). *Báo cáo số 403-BC-/BDVTU, ngày 26/4/2018 về kết quả thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số” đối với các dân tộc rất ít người.*
- Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Bình. (2018). *Báo cáo Số 158-BC/BDVTU, ngày 13/8/2018 về tình hình đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người và kết quả thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về “Tăng cường đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.”*
- Ban Dân vận Tỉnh ủy Lào Cai. (2019). *Báo cáo số 315-BC/DVTU, ngày 28/5/2019 về công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người.*
- Ban Dân vận Tỉnh ủy Sơn La. (2019). *Báo cáo số 473-BC/DVTU, ngày 04/5/2019 về tình hình kết quả công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người (dân tộc La Ha).*
- Hội đồng Dân tộc Quốc hội. (2013). *Báo cáo số 364/BC-HĐDTT13, ngày 04/01/2013 về giải trình chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội đối với các dân tộc rất ít người - thực trạng và giải pháp cho giai đoạn 2013-2020.*
- Huyện ủy Mèo Vạc. (2019). *Báo cáo số 787-BC/HU, ngày 06/5/2019 về Báo cáo tổng kết 15 việc Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay.*
- Lợi, H. M. (2010). Sự biến đổi và chính sách bảo tồn, phát triển của ẩm thực, trang phục, nhà cửa truyền thống ở Nhật Bản - Kinh nghiệm đối với Việt Nam. *Tạp Chí Dân Tộc Học*, (Số 6), tr.53.
- SaKaYa. (2011). Lễ Mak Yong ở MaiLaySia - Một di sản văn hóa truyền thống được bảo tồn trong quốc gia hội giáo. *Tạp Chí Dân Tộc Học*, (Số 2), tr.62-66.
- Thành ủy Hà Giang. (2019). *Báo cáo số 538-BC/TU, ngày 09/5/2019 về công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người (Lô Lô, Cờ Lao, Pu Páo, Phù Lá, Bô Y).*
- Ủy ban Dân tộc. (2015). *Báo cáo kết quả “Hội thảo đề xuất các chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020.”*
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Nghệ An, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Kon Tum, Quảng Bình. (2019). *Báo cáo tham luận Hội thảo tại huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An “về phát triển kinh tế xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người.”*

INVESTMENT POLICIES FOR ETHNIC MINORITY WITH A VERY SMALL POPULATION IN VIETNAM

Nguyen Quoc Doan

Central Commission for Mass
Mobilization
Email: quocdoanbdu@gmail.com

Received: 25/4/2020
Reviewed: 03/5/2020
Revised: 15/5/2020
Accepted: 08/6/2020
Released: 21/6/2020

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/412>

Abstract

Vietnam is a multi-ethnic nation. With the spirit of great solidarity of the entire nation, the Party and State of Vietnam have always paid attention to the ethnic minority with a very small population. Therefore, in addition to the general policy for ethnic minorities, there are currently a number of specific policies for the ethnic minority with a very small population. The paper assesses the effectiveness of the implementation of policies for the ethnic minority with a very small population, thereby discussing practical solutions to improve the effectiveness of policy implementation for them in the next time.

Keywords

Investment policy; The ethnic minority with a very small population; Ethnic minority and mountainous areas; Specific policy.